

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/8/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thương Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Hà**

2. Ông **Ngô Quang Lực**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Thu Nhân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX - ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lò Thị N** - sinh năm 1992 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi đăng ký HKTT: Bản C H, xã N S, huyện Đ B Đ, tỉnh Đ

* Bị đơn: Ông **Tòng Văn Ph** - sinh năm 1993 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Nơi đăng ký HKTT: B H 1, xã P K, thành phố Đ B P, tỉnh Đ;

Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 H - Thôn X S, xã X S, thị xã ST, TP HN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lò Thị N trình bày:***

- Về hôn nhân: Bà Lò Thị N và ông Tòng Văn Ph lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Phăng, huyện Điện Biên (nay thuộc thành phố Điện Biên), tỉnh Điện Biên vào ngày 16/5/2013. Hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, không ai bị ép buộc. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ph đưa đòi theo bạn bè dẫn đến nghiện ma túy. Hiện nay ông Ph đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 Hà Nội - thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội không thể quan tâm đến bà N. Bản thân bà N xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph.

- Về con chung: Bà N khai vợ chồng có 01 con chung là Tòng V H, sinh ngày 15/7/2013, khi ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi cháu Tòng V H và không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Lò Thị N, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã ra Thông báo thụ lý vụ án số 103/TB - TLTA ngày 05/6/2020 và gửi các văn bản tố tụng tới Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 H - Thôn X S, xã X S, thị xã ST, TP HN

*** *Tại bản tự khai ngày 10/6/2020 bị đơn ông Tòng Văn Ph trình bày:***

- Về hôn nhân: Ông Ph và bà N lấy nhau có đăng ký kết hôn tại xã Pá Khoang, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Hai bên tự nguyện đăng ký, trong quá trình vợ chồng chung sống bà N đã ngoại tình dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn với nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Ph.

- Về con chung: Ông Ph khai vợ chồng có 01 con chung là Tòng V H, sinh ngày 15/7/2013, vợ chồng ly hôn nguyện vọng của ông Ph đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Hiện ông Ph đang đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 H - Thôn X S, xã X S, thị xã ST, TP HN Ông Ph đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa bà Lò Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ph và giải quyết cho bà được nuôi con chung theo nội dung đơn xin ly hôn bà N đã trình bày và nộp tại tòa ngày 10/5/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 04/6/2020, bà Lò Thị N nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Tòng Văn Ph, có nơi ĐKKHTT tại B H 1, xã P K, thành phố Đ B P, tỉnh Đ; cùng ngày bà N có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án đã ra quyết định miễn tạm ứng án phí cho bà N. Ngày 05/6/2020 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của bà Lò Thị N theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (*Sau đây ghi tắt là BLTTDS*).

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Tòng Văn Ph trước khi đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 Hà Nội - Thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, thì có nơi ĐKKHTT tại B H 1, xã P K, thành phố Đ B P, tỉnh Đ; yêu cầu Ly hôn của bà N đối với ông Ph thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn đang đi cai nghiện nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị N - sinh năm: 1992 và ông Tòng Văn Ph - sinh năm: 1993 tự nguyện kết hôn vào ngày 16/5/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Phăng, huyện Điện Biên (nay thuộc thành phố Điện Biên Phủ), tỉnh Điện Biên. Hai bên kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Do vậy hôn nhân của bà N và ông Ph là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, do ông Ph không quan tâm đến vợ con, đua đòi theo bạn bè dẫn đến nghiện ma túy. Hiện nay ông Ph đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 07 Hà Nội - thôn Xuân Khanh, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội không thể quan tâm đến bà N. Nay bà N xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ph. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà N vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Ph. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho bà N khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lò Thị N.

- Về con chung: Bà N và ông Ph đều khai và công nhận vợ chồng có 01 con chung là Tòng V H, nguyện vọng của bà N sau khi ly hôn bà muốn nuôi con chung và không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N. Bản thân ông Ph đang đi cai nghiện nên không có khả năng nuôi và cấp dưỡng cho con chung. HĐXX xét thấy yêu cầu và nguyện vọng bà N là phù hợp theo quy định tại các Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX có đủ căn cứ giao con chung cho bà N nuôi dưỡng, ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Theo Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lò Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Lò Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn của bà Lò Thị N, cho ly hôn giữa bà Lò Thị N và ông Tòng Văn Ph;

2. Về con chung: Giao con chung Tòng V H, sinh ngày 15/7/2013 cho bà N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Bà N không yêu cầu ông Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con;

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lò Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự bà N và ông Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Ủy ban nhân dân xã Mường Phăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

